

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2019/HNGĐ-ST**

Ngày 04-4-2019

V/v “Tranh chấp xin ly hôn
và nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Chung Quốc Hội

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đặng Thành Tấn**

2. Bà **Nguyễn Thị Thu Ba**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lâm Thanh Toàn** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc: Không tham gia.

Trong ngày 04 tháng 4 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 470/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018, về tranh chấp “Xin ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nghiêm Văn D**, sinh năm 1971. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, Kiên Giang.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Tuyết N**, sinh năm 1980. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai tại phiên tòa ông Nghiêm Văn D trình bày: Ông D và bà N tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, có tổ chức kết hôn năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Nguyên nhân ông D xin ly hôn: Do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau. Đến khoảng năm 2011 vợ chồng tự ly thân nhau mỗi người sống một nơi, hiện tại ông bà đều đã có vợ, có chồng khác.

Về con chung: Ông D xác định có 02 người con tên **Nghiêm Thị Ngọc L**, sinh năm 1997 (Đã trưởng thành) và **Nghiêm Văn Th**, sinh ngày 02-4-2002, đang sống với ông D.

Về tài sản chung: Ông D xác định không có.

Về nợ chung: Ông D xác định vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

Ông Nghiêm Văn D yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Ông D yêu cầu ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng người con tên Nghiêm Văn Th, sinh ngày 02-4-2002, ông D không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Đối với người con tên Nghiêm Thị Ngọc L, sinh năm 1997 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 18-12-2018 và tại phiên tòa bà Nguyễn Tuyết N trình bày:

Bà N xác nhận lời trình bày của ông D về quan hệ hôn nhân, về mâu thuẫn vợ chồng, thời gian ly thân là hoàn toàn đúng. Bà N xác nhận ông bà đã tự ly thân khoảng 08 năm nay, hiện tại ông bà đều đã có vợ, có chồng khác.

Về con chung: Bà N xác định có 02 người con tên Nghiêm Thị Ngọc L, sinh năm 1997 (Đã trưởng thành) và Nghiêm Văn Th, sinh ngày 02-4-2002, đang sống với ông D.

Về tài sản chung: Bà N xác định không có.

Về nợ chung: Ông D xác định vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

Bà Nguyễn Tuyết N yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Bà N đồng ý thuận tình ly hôn theo yêu cầu của ông D.

Về con chung: Bà N thống nhất giao cho ông Dũng tiếp tục nuôi người con tên Nghiêm Văn Th, sinh ngày 02-4-2002. Bà không cấp dưỡng.

Đối với người con tên Nghiêm Thị Ngọc L, sinh năm 1997 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà N yêu cầu ông D hỗ trợ số tiền 30.000.000 đồng để điều trị bệnh do bà đang bị mắc bệnh hiểm nghèo. Bà N không có yêu cầu phản tố trong vụ án.

Những vấn đề ông D, bà N thỏa thuận được:

Về quan hệ hôn nhân: Ông D và bà N thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông D, bà N thống nhất thỏa thuận giao cho ông D tiếp tục nuôi người con tên Nghiêm Văn Th, sinh ngày 02-4-2002. Ông D không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông D và bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông D và bà N xác định vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những vấn đề ông D, bà N không thỏa thuận được:

Bà N yêu cầu ông D hỗ trợ số tiền 30.000.000 đồng để điều trị bệnh do bà đang bị mắc bệnh hiểm nghèo. Ông D không đồng ý, ông D chỉ tự nguyện hỗ trợ 10.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông D và bà N tự nguyện tìm hiểu kết hôn với nhau năm 1997, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Phú Quốc ngày 26-4-2005, đây là hôn nhân hợp pháp.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Nghiêm Văn D:

Ông D yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với bà N với lý do vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2011, ông D và bà N đều đã có vợ, có chồng khác. Bà N đồng ý thuận tình ly hôn theo yêu cầu của ông D. Trong phần nghị án Hội đồng xét xử thống nhất ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa ông D với bà N.

[3] Về con chung: Tại phiên tòa, ông D yêu cầu được tiếp tục nuôi người con tên Nghiêm Văn Th, sinh ngày 02-4-2002 và Bà N đồng ý giao cho ông D tiếp tục nuôi cháu Th. Trong phần nghị án Hội đồng xét xử ghi nhận tự nguyện của ông D với bà N giao cháu Nghiêm Văn Th cho ông D tiếp tục nuôi dưỡng. Ông D không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với người con tên Nghiêm Thị Ngọc L, sinh năm 1997 đã trưởng thành, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ông D và bà N xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Ông D và bà N xác định vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét yêu cầu của bà N yêu cầu ông D hỗ trợ số tiền 30.000.000 đồng: Bà N cho rằng hiện nay bà đang mắc bệnh hiểm nghèo nên yêu cầu ông D hỗ trợ cho bà số tiền 30.000.000 đồng để tiếp tục điều trị bệnh. Ông D không đồng ý yêu cầu của bà N, ông chỉ tự nguyện hỗ trợ cho bà số tiền 10.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng ông D, bà N chung sống với nhau năm 1997 nhưng đã tự ly thân từ năm 2011, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm chăm sóc ai, ông D có gia đình riêng từ năm 2015, bà N có gia đình riêng từ năm 2013. Hiện tại bà N đang làm thuê, lao động bình thường, có thu nhập ổn định 5.000.000 đồng/tháng. Trong phần nghị án Hội đồng xét xử quyết định không chấp nhận yêu cầu của bà N.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông D đồng ý hỗ trợ cho bà N số tiền 10.000.000 đồng.

[7] Về án phí: Ông Nghiêm Văn D phải chịu án phí xin ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 28; 35; 147; 266, 271; 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nghiêm Văn D và bà Nguyễn Tuyết N.

2. Về con chung: Giao cho ông D tiếp tục nuôi người con tên Nghiêm Văn Th, sinh ngày 02-4-2002. Ông D không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với người con tên Nghiêm Thị Ngọc L, sinh năm 1997 đã trưởng thành, Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông D và các thành viên trong gia đình không được cản trở bà N trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Ông D và bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Ông D và bà N xác định không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Không chấp nhận yêu cầu của bà N về việc yêu cầu ông D hỗ trợ số tiền 30.000.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông D đồng ý hỗ trợ cho bà N số tiền 10.000.000 đồng.

6. Về án phí sơ thẩm: Ông D phải chịu án phí sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng. Ông D đã tạm nộp 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008119 ngày 05-12-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí, ông D không phải nộp thêm.

7. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Phú Quốc;
- THADS huyện Phú Quốc;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Chung Quốc Hội